

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 520/2024/DS-PT
Ngày: 10 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp
vốn mua tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu**

Các Thẩm phán: **: Bà Phan Thị Tú Oanh**
: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thanh Thảo Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Bà Đỗ Thị Thu
Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 và ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2024/TLPT-DS, ngày 26 tháng
02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn mua tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 và Quyết
định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số: 108/2023/QĐSCBSBA ngày 30/10/2023
của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1894/2024/QĐ-PT ngày
10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 5964/2024/QĐ-PT ngày
08/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thu Đ, sinh năm 1980.
Địa chỉ: 3 Đường E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ủy quyền ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1995 - Đại diện (Có mặt).
Địa chỉ: 8 N, P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(Giấy ủy quyền ngày 21/5/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Duy H, sinh năm 1974;

2.2. Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường Y, thành phố L, tỉnh Gia Lai.

Ông H và bà T ủy quyền ông Ngô Đoàn Quang V, sinh năm 2000 - Đại diện (Có mặt) và bà Lê Thị Như Q, sinh năm 1998 - Đại diện (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng F, số B Đ, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Giấy ủy quyền ngày 25/9/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Ngọc L (Có mặt); Luật sư Võ Thị Anh L1 (Vắng mặt) - Công ty L3 - Thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Mộng Huyền T1, sinh năm 1973;

3.2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: 1 A, khu phố C, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T1 và ông T2 ủy quyền ông Nguyễn Phi H1, sinh năm 1984 - Đại diện (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, T, B, tỉnh Bình Phước.

(Giấy ủy quyền ngày 02/8/2023).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Huỳnh Kim C, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 3 N, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Thái Thị Thu Đ ủy quyền bà Nguyễn Phúc Hạ V1 đại diện trình bày: Bà Đ biết vợ chồng bà Huỳnh Kim C chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 1000m², thuộc thửa số 425 và 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố H cấp ngày 06/9/2014. Giá chuyển nhượng, được bà C, ông M thỏa thuận với bà Đ và vợ chồng bà T là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng). Sau đó, bà Đ thỏa thuận với vợ chồng bà T, ông Trần Duy H, việc mua chung tài sản này và mỗi bên góp vốn là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) và thống nhất để cho vợ chồng bà T đứng tên.

Sau khi mua, bà Đ là người quản lý, sử dụng căn nhà tranh chấp, thuê người làm vườn và trông nhà cửa. Việc mua chung và giao tiền có xác nhận, chứng kiến của bà C và ông Trần Văn M1. Hiện nay, vợ chồng bà T, tự ý thay khóa nhà và đang bán căn nhà, đất tranh chấp mà không có sự đồng ý của bà Đ. Vì vậy, bà Đ

khởi kiện yêu cầu Tòa Công nhận cho bà Đ là đồng sở hữu với bà T và ông H, đối với diện tích 1000m², thửa đất số 425 và 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vào sổ cấp GCN: CH04148 và CH04147 ngày 06/9/2014; Và yêu cầu bà T, ông H giao trả cho bà Đ diện tích 500m² đất, trong tổng diện tích 1000m² mà bà Đ đã mua chung với vợ chồng bà T, ông H.

Bị đơn trình bày:Nguồn gốc phần đất có diện tích 1000m², thuộc thửa đất số 425 và 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BV 298672 và số:BV 298673, số vào sổ cấp GCN: CH04148 và CH04147 do Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị L2 vào ngày 06/9/2014, Cập nhật biến động sang tên cho bà C và ông M1 ngày 13/8/2019. Sau đó, sang tên cho bà T và ông H thông qua Hợp đồng chuyển nhượng số: 026147 và số: 026140 ký ngày 19/8/2022. Việc bà Đ khởi kiện cho rằng bà Đ cùng góp vốn chuyển nhượng diện tích 1000m² đất nêu trên là không đúng. Trước đây, bà Đ có bàn với bà T và ông H việc mua lô đất ở Nhà B nhưng bà Đ không góp bất cứ đồng nào để chuyển nhượng diện tích đất 1000m² đất. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng phần đất này là tiền của bà T và ông H.

Nay, bà Đ cho rằng đã chuyển số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) cho bà T vào ngày 23/8/2022, để cùng góp chung mua 02 thửa đất ở Nhà B là không có thật. Số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) này là nằm trong tổng số tiền mà bà Đ đã chiếm đoạt của bà T, liên quan tới các thửa đất ở Lâm Đồng, hiện đang được Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H giải quyết. Do đó, yêu cầu Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Mộng Huyền T1 và ông Trần Văn T2 ủy quyền ông Nguyễn Phi H1 trình bày: Ngày 10/5/2023, bà T1 và ông T2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 425 và 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông H và bà T theo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số:002092/HĐ-CNQSDĐ và Hợp đồng số: 002093/HĐ-CNQSDĐ do Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận cùng ngày.

Tháng 06/2023, bà T1 và ông T2 nhận được Thông báo bổ sung, vụ án dân sự số:1193/TB-TA ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc đưa bà T1 và ông T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Nay, với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì bà T1 và ông T2 không đồng ý, vì theo các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 19/8/2022, thể hiện bên nhận chuyển nhượng duy nhất là bà T và đăng ký biến động về thay đổi người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận

quyền sử dụng của 02 thửa đất trên vào ngày 29/8/2022 cho ông H và bà T. Do đó, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Huỳnh Kim C trình bày: Bà là bạn của bà Đ và bà T. Trước đây, bà và chồng là ông M1 là chủ sử dụng khu đất, có diện tích 1000m², thuộc thửa số 425 và 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/8/2022 ông, bà đã chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho bà Đ và bà T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C2. Khi giao dịch mua bán với bà Đ và bà T thì bà nghe nói bà T và bà Đ góp vốn mỗi người là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) và bà nhận tiền từ bà T; Còn việc lý do tại sao bà Đ để bà T đứng tên là chuyện của bà Đ và bà T, bà và ông M1 không biết.

Người làm chứng ông Phạm Xuân K trình bày: Ông là người được bà C thuê làm vườn và trông coi nhà, đất, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi, bà C bán nhà, đất trên cho bà Đ và bà T thì bà Đ và bà T tiếp tục thuê ông làm vườn và trông coi khu đất trên. Chi phí là 6.000.000đồng/tháng, do bà T là người trả cho ông được 02 tháng; Còn bà Đ trả cho ông được 04 tháng. Hiện nay, đất đã bán cho người khác nên không thuê ông trông coi nhà, đất nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà V1 đại diện bà Đ trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà T và ông H trả lại số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) là số tiền mà bà Đ đã góp tiền mua chung.

Ông V, bà Q đại diện bị đơn; Luật sư Lê Ngọc L và Luật sư Võ Thị Anh L1 là Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2022; Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đề ngày 21/8/2023, bà Đ yêu cầu bà T và ông H giao trả diện tích 500m² đất. Sau đó, thay đổi yêu cầu đòi số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) là số tiền bà Đ cho rằng đã góp vốn chung mua nhà, đất của bà C và ông M1, dựa trên các tài liệu, chứng cứ mà Đ cung cấp gồm: 07 (Bảy) Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022 được in từ hệ thống Core Banking của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2; Vi Bằng số: 1015/2022/VB-VPTPL ngày 27/12/2022, do Văn phòng T3 lập và Giấy xác nhận ngày 27/12/2022 của ông M1 (là Bản photocopy, không phải bản gốc); Hình ảnh tin nhắn giữa bà Đ và bà T (là Bản photocopy, không phải bản gốc). Ngoài các tài liệu nêu trên, thì không còn tài liệu nào khác chứng minh có việc bà Đ chuyển số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng), nhằm mục đích để mua 02 Thửa đất ở Nhà B. Việc, bà Đ cho rằng vào ngày 23/8/2022, đã chuyển số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng), thông qua 07 Phiếu Báo nợ để mua 02 Thửa đất ở Nhà B là gian dối và các khoản tiền này không phải là tiền bà Đ chuyển để mua 02 Thửa đất ở Nhà B, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Việc, ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng, việc trả tiền chuyển nhượng cũng do bà T thực hiện. Bà Đ không xuất hiện, thỏa

thuận hay thống nhất trong bất kỳ giai đoạn nào của việc mua bán 02 Thửa đất ở Nhà B.

Thứ hai: Ngày 23/8/2022, bà Đ có 34 lần chuyển vào tài khoản số 6230031532 của bà T (trong đó có 32 lệnh chuyển với từng lần chuyển là 499.999.999 đồng; 01 lệnh chuyển số tiền 295.000.000 đồng và 01 lệnh số tiền 280.000.000 đồng). Tổng số tiền bà Đ chuyển cho bà T là 16.574.999.968 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng). Chứng cứ này, trùng khớp với chứng cứ là Sổ theo dõi của bà T đã được T Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh lập Vi Bằng số: 59/2023/VB-TPL ngày 27/9/2023. Tuy nhiên, khi cung cấp cho Tòa, bà Đ cố tình chỉ cung cấp 07 Phiếu Báo nợ (Mỗi phiếu là 499.999.999 đồng) nhằm gây hiểu nhầm là số tiền đã chuyển cho bà T để cùng mua 02 Thửa đất ở Nhà B. Lý do, việc bà Đ chuyển 07 Phiếu Báo nợ này là do trước đó, bà Đ đưa ra các thông tin gian dối để kêu gọi bà T hợp tác làm ăn bằng cách yêu cầu bà T chuyển tiền cho bà Đ để bà Đ đầu tư, mua đất ở Lâm Đồng, bán sẽ có lợi nhuận rất cao. Bà Đ cam kết rằng chuyển lại cho bà T, cả tiền gốc và lợi nhuận từ việc mua bán đất ở Lâm Đồng. Trên cơ sở thông tin này, bà T tin tưởng nên đã chuyển tiền cho bà Đ, từ tháng 5/2022, mỗi lần chuyển tiền (gốc, lãi) bà T đều nhắn tin trao đổi với bà Đ qua tin nhắn M2, Z và ghi vào sổ theo dõi có sự xác nhận của bà Đ. Do đó, trong thời gian từ ngày 15/8/2022 đến ngày 21/8/2022, bà Đ và bà T thỏa thuận mua 03 ha đất tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên bà T chuyển cho bà Đ là 8.050.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, bà Đ chuyển lại cho bà T số tiền là 8.795.000.000 đồng (số tiền chênh lệch là 745.000.000 đồng) là khoản lãi từ việc bà Đ mua bán đất trên Lâm Đồng. Tuy nhiên, thực tế số tiền chênh lệch này bà Đ lấy từ chính số tiền do bà T chuyển cho bà Đ gọi là khoản lãi, nhằm tạo niềm tin để thực hiện hành vi có dấu hiệu lừa đảo, tổng số tiền hơn 139.000.000.000 đồng của bà T mà bà Đ thực hiện. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H và Viện Kiểm sát Thành phố H thụ lý giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chuyển toàn bộ hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xác minh và xử lý về hành vi có dấu hiệu tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà Đ và các cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

Ông H1 đại diện bà T1, ông T2 trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chỉ tranh chấp tiền, không tranh chấp tài sản mà bà T1, ông T2 đã nhận chuyển nhượng từ ông H và T, do vậy, không còn xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà T1 và ông T2 nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS - ST ngày 29-9-2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số: 108/2023/QĐSCBSBA ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Duy H, bà Trương Thị Thanh T hoàn trả cho bà Thái Thị Thu Đ số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Trả ngay làm 01 lần, ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 16/10/2023, bị đơn ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp vụ án.

Bị đơn ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T (có ông Ngô Đoàn Quang V đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm không hủy án sơ thẩm thì yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Thái Thị Thu Đ (có ông Nguyễn Quốc D đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người làm chứng ông Phạm Xuân K trình bày: Ông là người được bà C thuê làm vườn và trông coi nhà, đất, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành H. Sau khi bà C bán nhà, đất nêu trên cho bà Đ và bà T thì bà Đ và bà T tiếp tục thuê ông làm vườn và trông coi khu đất, hàng tháng bà T và bà Đ trả tiền công cho ông là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Trong quá trình trông coi, nhà, đất thì bà T trả cho ông được 02 tháng và bà Đ trả được 04 tháng. Sau đó, bà T bán nhà, đất lại cho người khác thì người mua mới không thuê ông nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ban đầu bà Đ khởi kiện tranh chấp “Đòi lại đất”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Đến ngày 21/8/2023, đại diện ủy quyền của bà Đ xác định lại yêu cầu khởi kiện Đòi lại số tiền đã góp vốn mua chung là 3.400.000.000 đồng” là vượt quá phạm vi của bà Đ ủy quyền cho bà V1 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh không có thẩm quyền giải quyết vụ án mà phải chuyển hồ sơ vụ án đến nơi cư trú của bị đơn để giải quyết.

Về nội dung:Phía bà Đ cho rằng vào ngày 23/8/2022 có chuyển cho bà T, tổng số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng), thông qua 07 Phiếu Báo nợ, để góp tiền mua chung 02 Thửa đất ở Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng. Số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn bốn trăm triệu đồng) này nằm trong số tiền 16.574.999.968 đồng (theo Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1) mà bà Đ chuyển trả lại cho bà T, từ việc mua đất ở Lâm Đồng. Việc, bà Đ xuất trình 07 phiếu Báo nợ trùng khớp với 31 lệnh chuyển tiền, mỗi lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) cho bà T vào ngày 23/8/2022 nêu trên là nhằm đánh lạc hướng, gây hiểu nhầm đây là số tiền chuyển cho bà T để mua đất ở Nhà B. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ vào 07 Phiếu Báo nợ, để buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) là trái pháp luật.

Ngoài ra, số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) mà bà Đ khởi kiện là nằm trong tổng số tiền 139.400.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm triệu đồng) do bà Đ thực hiện hành vi chiếm đoạt của bị đơn đang được Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H giải quyết. Do vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án Tạm đình chỉ để chờ Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H giải quyết.

Bà Lê Thị Như Q đại diện theo ủy quyền bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Bà Vũ Mộng Huyền T1 và ông Trần Văn T2 ủy quyền ông Nguyễn Phi H1 vắng mặt.

Người làm chứng:Bà Huỳnh Kim C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - Đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phạm vi ủy quyền của đại diện nguyên đơn theo Giấy ủy quyền và chưa làm rõ chứng cứ 33 lệnh chuyển tiền có mối quan hệ gì với 07 Phiếu Báo nợ hay không, chưa đối chiếu thời gian chuyển tiền, mối quan hệ làm ăn chung giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với sự kiện nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc. Trong khi nguyên đơn không chứng minh được thỏa thuận mua đất chung.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xuất trình tài liệu đang yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H tiếp nhận, tố giác tin báo tội

phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đã thụ lý và hiện đang Tạm đình chỉ về giải quyết nguồn tin tội phạm, do chờ Ngân hàng cung cấp thông tin chi tiết nội dung chuyển tiền, số tiền bà Đ nhận từ bà T sử dụng vào mục đích gì. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không Tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chờ Kết quả giải quyết của Cơ quan có thẩm quyền là không đúng.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T và ông H, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ án lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Thái Thị Thu Đ ủy quyền ông Nguyễn Quốc D; Ông Trần Duy H, bà Trương Thị Thanh T ủy quyền ông Ngô Đoàn Quang V và bà Lê Thị Như Q; Bà Vũ Mộng Huyền T1 và ông Trần Văn T2 ủy quyền ông Nguyễn Phi H1, việc ủy quyền này, phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Như Q đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Thị Anh L1; Ông Nguyễn Phi H1 đại diện theo ủy quyền bà Vũ Mộng Huyền T1 và ông Trần Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bà Huỳnh Kim C là người làm chứng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Q; Luật sư L1; Ông H1 và bà C vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ ở Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà V1 đại diện nguyên đơn trình bày năm 2022, bà Đ và bà T thỏa thuận góp vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 1.000m², thuộc Thửa 425, 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Huỳnh Kim C và ông Nguyễn Văn M3. Giá chuyển nhượng là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng), trong đó phần góp vốn của bà Đ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) và phần góp vốn của bà T là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Vì, là bạn bè với nhau nên bà Đ để cho bà T đứng tên ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/8/2022 với bên chuyển nhượng là bà C. Hợp đồng có Phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Sau đó, ngày 23/8/2022 bà Đ chuyển cho bà T, 07 lần tiền, mỗi lần là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng), tổng cộng là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm

triệu đồng) theo 07 Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022, để bà T giao cho bà C. Ngày 29/8/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật sang tên cho ông H và bà T.

Ngược lại, phía ông V đại diện bà T khai ngày 19/8/2022, giữa bà T và bà C, ông M3 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 1.000m², thuộc Thửa 425, 426, với giá là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng) là của bà T và ông H, không có việc bà Đ góp vốn số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) với bà T để chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên. Số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) mà bà Đ chuyển cho bà T vào ngày 23/8/2022 là nằm trong tổng số tiền 16.074.999.699 đồng (Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng) mà bà Đ chuyển trả lại cho bà T, trong việc góp vốn mua đất ở Lâm Đồng. (Bút lục từ 310 đến số C).

[4] Tại 07 Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 do nguyên đơn xuất trình cho Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, số tài khoản của bà Đ là số 652536999, số tiền chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) và ghi nội dung: Thái Thị Thu Đ chuyển tiền. Xét, Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ vào 07 Phiếu Báo nợ này, từ đó xác định nguyên đơn có góp vốn số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) với bị đơn để chuyển nhượng đất, diện tích 1.000m², thuộc Thửa 425, 426, tờ bản đồ số 92, tại địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh của bà C là chưa đủ cơ sở vững chắc. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 vào ngày 23/8/2022, bà Đ chuyển tổng cộng bao nhiêu tiền cho bà T, nội dung chuyển tiền là gì.

Ngoài ra, nguyên đơn khai ngày 23/8/2022, nguyên đơn chuyển cho bị đơn số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) theo 07 Phiếu Báo nợ nêu trên, mỗi lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng). Nếu, cộng 07 Phiếu Báo nợ thì số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn là 3.499.999.993 đồng (Ba tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi ba đồng), không phải số tiền là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) như nguyên đơn khai. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn dư 99.999.993 đồng (Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi ba đồng) này là tiền gì.

[5] Căn cứ vào Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng (bà Trương Thị Thanh T) từ ngày 15/8/2022 đến ngày 23/8/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 do phía bị đơn xuất trình cho Tòa án cấp sơ thẩm, thể hiện số tài khoản

của bà Đ là số 652536999 và số tài khoản của bà T là số 623003152, cụ thể những lần chuyển tiền như sau:

Ngày 15/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T 10 lần tiền, mỗi lần chuyển là 499.999.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng);

Ngày 16/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T 14 lần tiền, trong đó có 13 lần chuyển, mỗi lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) và 01 lần chuyển là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng);

Ngày 17/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T 23 lần tiền, mỗi lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng);

Ngày 18/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T 23 lần tiền, mỗi lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) và 01 lần chuyển là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Ngày 23/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T 30 lần tiền, trong đó 27 lần chuyển là 499.999.999 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng); 01 lần chuyển 499.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng) và 01 lần chuyển 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng ngày 23/8/2022, bà Đ chuyển cho bà T là 14.278.999.973 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng). (Bút lục từ số 189 đến 206).

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D đại diện theo ủy quyền bà Đ thừa nhận ngày 23/8/2022, bà Đ chuyển khoản cho bà T số tiền như đã ghi tại Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng nêu tại mục [5], tuy nhiên, ông D đại diện bà Đ khai không biết số tiền 14.278.999.973 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng) này, bà Đ chuyển cho bà T là tiền gì. Trong khi đó, phía bị đơn cho rằng số tiền bà Đ chuyển cho bà T theo Bản sao kê là 16.074.999.969 đồng (Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng) là tiền của bà T chuyển cho bà Đ để mua đất ở Lâm Đồng. Sau đó, bà Đ chuyển ngược lại cho bà T, báo đã chuyển nhượng được đất nên hoàn lại tiền vốn và lợi nhuận từ việc chuyển nhượng đất. Số tiền 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) theo 07 Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022 mà bà Đ chuyển cho bà T là nằm trong số tiền được ghi tại Bản sao kê nêu tại mục [5]. Xét thấy, lẽ ra trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ việc nguyên đơn chuyển cho bị đơn số tiền 14.278.999.973 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm

bảy mươi ba đồng) nêu tại mục [5] là tiền gì và số tiền 3.499.999.999 đồng (Ba tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng) theo 07 Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022 nêu tại mục [4] có liên quan với nhau không, giữa nguyên đơn và bị đơn có việc góp vốn để chuyển nhượng đất ở Lâm Đồng hay không. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[7] Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm, bị đơn có xuất trình cho Tòa án cấp sơ thẩm Vi Bằng số: 459/2023 ngày 27/9/2023 do Văn phòng T4, Thành phố Hồ Chí Minh lập (Bút lục từ số 98 đến số 160). Bị đơn cho rằng năm 2022, giữa bị đơn và nguyên đơn có trao đổi tin nhắn qua điện thoại để thảo thuận góp vốn số tiền 16.074.999.969 đồng (Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng) theo Bản sao kê của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 nêu tại mục [5] để mua đất ở Lâm Đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ có việc nguyên đơn và bị đơn trao đổi qua điện thoại để thỏa thuận chuyển nhượng đất ở Nhà B, Thành phố Hồ Chí Minh hay ở Lâm Đồng.

[8] Phía bị đơn khai từ năm 2022, bị đơn chuyển nhiều lần tiền cho nguyên đơn, tổng cộng 139.400.000.000 đồng (là bao gồm luôn số tiền theo 07 Phiếu Báo nợ ngày 23/8/2022 và Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng ngày 23/8/2022 để mua đất ở Lâm Đồng), tuy nhiên, bà Đ khai gian dối để chiếm đoạt số tiền này, do vậy, bà T có đơn tố giác bà Đ tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H.

Ngày 12/4/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H có Công văn số:3189/TB-PC03-Đ9 gửi cho bà T, có nội dung:Bà Trương Thị Thanh T tố cáo bà Thái Thị Thu Đ - Giám đốc Công ty L4, về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” số tiền 139.400.000.000 đồng, thông qua việc đầu tư góp vốn cho bà Đ mua 208 ha đất tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H đã có Văn bản đề nghị nhưng Ngân hàng có liên quan chưa cung cấp thông tin chi tiết nội dung chuyển tiền, thông tin tài khoản đối ứng để xác định được số tiền bà Đ nhận được từ bà T sử dụng vào mục đích gì, có ý nghĩa quyết định, làm cơ sở để ra Quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. (Bút lục số 184 - 185).

[9] Xét, lẽ ra trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác minh tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H, về việc bà T tố cáo bà Đ - Giám đốc Công ty L4, về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” số tiền 139.400.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm triệu đồng) có khởi tố vụ án hình sự hay không. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện.

[10] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ

sung nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số:410/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm:Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm:Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm nên ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T không phải chịu nên ông H và bà T được hoàn lại mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 410/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Duy H và bà Trương Thị Thanh T không phải chịu.

H2 lại cho ông Trần Duy H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông H tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số:AA/2023/0007556 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

H2 lại cho bà Trương Thị Thanh T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà T tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: AA/2023/0007555 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu